

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 LÝ NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MINH ANH	09/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	43.00	
2	TRẦN VIỆT ANH	20/06/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.50	
3	PHẠM TIẾN BẢO	06/06/2011	Nam	Phú Thọ	10 LÝ	41.00	
4	TRỊNH NGỌC GIA BẢO	06/12/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.50	
5	DƯƠNG XUÂN BÁCH	06/02/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	42.50	
6	VŨ HOÀNG BÁCH	21/12/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.75	
7	HỒ MINH CHÂU	05/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	43.50	
8	DƯƠNG ĐỨC DUY	02/10/2011	Nam	Phú Thọ	10 LÝ	41.50	
9	LÊ PHƯƠNG DUY	04/08/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.75	
10	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	14/12/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.25	
11	LÊ MINH ĐĂNG	06/11/2011	Nam	Vĩnh Phúc	10 LÝ	40.50	
12	NGÔ BÁCH HẢI ĐĂNG	06/01/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	42.50	
13	NGÔ NGUYỄN HỒ NGỌC HÀ	08/08/2011	Nữ	Nam Định	10 LÝ	42.75	
14	TÔ THIÊN HẢI	03/06/2011	Nam	Tuyên Quang	10 LÝ	43.25	
15	NGUYỄN NAM HIỀN	18/05/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	42.00	
16	TRẦN TRUNG HOÀNG	20/06/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.25	
17	NGHIÊM ĐỨC HUY	21/07/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.00	
18	PHẠM GIA HUY	07/09/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	43.00	
19	PHẠM KIẾN HUY	09/12/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	42.25	
20	TRỊNH MINH HUY	30/01/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.00	
21	PHẠM THỊ MINH HUYỀN	02/01/2011	Nữ	Hải Dương	10 LÝ	40.50	
22	NGUYỄN MẠNH HÙNG	23/06/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.25	
23	TRƯƠNG QUỐC HÙNG	09/03/2011	Nam	Nghệ An	10 LÝ	42.25	
24	LÊ QUỐC HÙNG	03/03/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.50	
25	HÀN GIA KHÁNH	19/08/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.75	
26	TRẦN AN KHÁNH	16/06/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.25	
27	NGUYỄN TUẤN KIẾT	12/10/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.75	
28	LÊ MINH KHÁNH LINH	24/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	44.00	
29	TRẦN XUÂN MAI	28/01/2011	Nữ	CH Séc	10 LÝ	41.75	
30	BÙI QUANG MINH	18/08/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	43.75	
31	TRƯƠNG TUỆ MINH	23/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	41.25	
32	LƯU NGHIÊM HẢI NAM	06/04/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	44.25	
33	NGUYỄN BẢO NAM	24/01/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.50	
34	NGUYỄN KHẮC BẢO NGUYÊN	08/06/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	42.00	
35	DƯƠNG NAM PHONG	26/03/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	43.00	
36	ĐỖ BẢO PHÚC	06/03/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.50	
37	NGUYỄN CAO HỒNG PHÚC	30/06/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.50	
38	ĐỖ MẠNH QUÂN	15/07/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.00	
39	TRẦN ĐỨC TOÀN	06/07/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	42.25	
40	TRỊNH ĐỨC TRÍ	03/07/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.75	
41	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	21/01/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.75	
42	TRẦN HUY TÙNG	26/06/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.75	
43	TRƯƠNG KHẮC TUẤN TỬ	19/08/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.50	

Nam 36
Nữ 7
Tổng 43

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 LÝ - HÓA NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT lớp Lý - Hóa	Ghi chú
1	BÙI THIÊN AN	10/10/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	38.00	
2	VŨ NGỌC KHÁNH AN	14/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	31.80	
3	ĐÀO NGỌC ANH	20/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	40.00	
4	ĐỖ TÙNG ANH	28/12/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	38.00	
5	NGUYỄN MINH ANH	20/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	40.00	
6	NGUYỄN GIA BÌNH	10/09/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	35.38	
7	NGUYỄN MINH CHÂU	19/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	40.50	
8	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	01/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	34.44	
9	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	27/07/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	40.50	
10	NGUYỄN NGỌC DIỆP	09/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	38.00	
11	PHAN TUẤN DŨNG	08/09/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	38.00	
12	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	23/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	39.50	
13	NGUYỄN MINH ĐỨC	13/04/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	37.38	
14	THỊNH TUẤN ĐỨC	08/04/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	32.38	
15	NGUYỄN HOÀNG TÂN HÀ	06/05/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	34.88	
16	PHẠM QUANG HUY	13/06/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	33.00	
17	NGUYỄN MẠNH HÙNG	02/04/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	34.18	
18	HÀ TIẾN HUNG	25/01/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	38.50	
19	NGUYỄN PHÚC HUNG	28/12/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	32.40	
20	NGUYỄN VÂN KHÁNH	05/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	40.50	
21	TẠ XUÂN ĐĂNG KHOA	11/11/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	34.12	
22	NGUYỄN HẢI LÂM	20/11/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	39.00	
23	MAI HOÀNG MINH	10/08/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	31.78	
24	NGUYỄN TRÀ MY	26/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	34.40	
25	TRẦN HUY HẢI PHONG	25/03/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	38.50	
26	NGUYỄN TỰ QUANG SÁNG	21/05/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	39.00	
27	NGUYỄN VŨ BẢO TRÂM	21/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	40.50	
28	NGUYỄN MINH TRIẾT	13/03/2011	Nam	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	42.06	
29	LÊ DIỆP VÂN	26/05/2011	Nữ	Hồ Chí Minh	10 LÝ - HÓA	39.50	
30	VŨ ĐỖ KHÁNH VI	06/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 LÝ - HÓA	33.50	
31	TÔ ĐỖ TUỆ VY	24/12/2011	Nữ	Hải Phòng	10 LÝ - HÓA	33.68	

Nam 18
Nữ 13
Tổng 31

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 HÓA NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	BÙI ĐỨC AN	01/10/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	36.76	
2	NGUYỄN NGỌC DIỆP ANH	23/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	36.97	
3	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	09/02/2011	Nữ	Nghệ An	10 HÓA	41.26	
4	LÊ GIA BẢO	14/09/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	38.51	
5	TRẦN NGUYỄN BẢO	27/05/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.94	
6	LÃ THẾ BÁCH	25/03/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	38.56	
7	LÊ MINH CHÂU	20/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	39.46	
8	NGUYỄN MINH CHÂU	20/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	38.06	
9	LÊ NGỌC TÙNG CHI	18/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	40.75	
10	NGUYỄN PHÙNG LINH CHI	20/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	39.93	
11	TRẦN BÌNH CÔNG	02/07/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	38.45	
12	CHU THỊ MỸ DUYÊN	26/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	37.63	
13	TRẦN THÀNH ĐẠT	14/02/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	38.13	
14	NGUYỄN TIẾN ĐĂNG	17/06/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.02	
15	TRẦN ANH ĐỨC	11/03/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.13	
16	NGUYỄN MINH GIANG	11/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	37.05	
17	LÊ PHƯƠNG HÀ	02/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	38.93	
18	VŨ NGÂN HÀ	27/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	36.87	
19	PHẠM YÊN HÀ	14/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	36.87	
20	TRẦN MINH HẢI	28/03/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.25	
21	NGUYỄN MINH HIẾU	30/09/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	36.80	
22	NGUYỄN MAI HƯƠNG	24/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	38.72	
23	PHẠM AN KHÁNH	05/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	36.63	
24	THẠCH CÔNG KHÁNH	03/11/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	38.01	
25	NGÔ TÙNG LÂM	24/08/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.13	
26	ĐỖ GIA LINH	02/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	37.12	
27	NGÔ GIA LINH	13/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	36.83	
28	NGUYỄN BẢO LINH	21/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	38.50	
29	PHẠM HÀ LINH	11/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	37.09	
30	VŨ THỊ NGỌC LINH	27/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	38.67	
31	BÙI ĐỨC LỘC	17/12/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	38.51	
32	NGÔ ĐAN LY	21/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	37.87	
33	PHẠM NGUYỄN BAN MAI	14/01/2011	Nữ	Thái Bình	10 HÓA	39.84	
34	CAO XUÂN ĐỨC MINH	16/03/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	36.81	
35	NGUYỄN HỮU ANH MINH	10/10/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	36.87	
36	PHẠM PHÚC TUẤN MINH	05/06/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	38.20	
37	QUÁCH HÀ MỸ	07/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	39.52	
38	PHẠM HẢI NAM	31/01/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.12	
39	ĐẶNG BÍCH NGỌC	12/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	38.75	
40	HỒ LÂM PHONG	20/10/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	39.43	
41	NGUYỄN HẢI PHONG	07/01/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	36.73	
42	PHAN NGUYỄN ĐĂNG PHONG	12/12/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.30	
43	VƯƠNG KỶ PHONG	18/08/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	39.18	
44	BÙI MINH QUANG	15/04/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.50	
45	VŨ NGỌC QUANG	19/04/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.98	
46	ĐÀO MINH QUÂN	27/01/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	41.55	
47	ĐẶNG THU TRANG	04/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	37.75	
48	TRẦN KIỀU TRANG	18/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	38.24	
49	BÙI ANH TỬ	11/05/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.51	
50	TRẦN NGỌC NGUYỄN VŨ	07/05/2011	Nam	Hà Nội	10 HÓA	37.87	

Nam 26
Nữ 24
Tổng 50

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ANH 1 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT lớp Anh 1	Ghi chú
1	NGUYỄN BẢO KHÁNH AN	12/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	30.40	
2	NGUYỄN HẠNH HIỀN ANH	26/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	31.00	
3	NGUYỄN HỮU NAM ANH	14/04/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	31.30	
4	ĐỖ BẢO	31/05/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	32.20	
5	ĐỖ GIA BÌNH	03/10/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	35.80	
6	TRẦN BẢO DUY	29/03/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	33.00	
7	NGUYỄN VŨ HƯƠNG GIANG	16/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	30.40	
8	TRẦN GIA HUY	22/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	33.50	
9	BÙI NGỌC MINH KHUÊ	29/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	39.20	
10	ĐẶNG MINH NGỌC KHUÊ	26/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	36.40	
11	NGUYỄN MINH KHUÊ	18/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	31.40	
12	HOÀNG MINH KIÊN	15/08/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	33.00	
13	VƯƠNG PHƯƠNG LINH	27/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	30.80	
14	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	20/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	30.30	
15	NGUYỄN VIỆT TUỆ MINH	30/10/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	32.00	
16	TRẦN ĐÌNH GIA MINH	19/09/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	30.60	
17	TRỊNH HÀ MINH	04/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	33.20	
18	VŨ HOÀNG HẢI NAM	15/09/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	33.30	
19	TRẦN HIẾU NGÂN	28/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	36.80	
20	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	12/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	43.00	
21	LÊ MINH QUÂN	27/07/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	30.90	
22	ĐÀO TRÚC QUỲNH	25/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	30.50	
23	NGUYỄN THANH SƠN	27/05/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	31.50	
24	TRẦN LÊ PHƯƠNG THẢO	27/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	38.90	
25	ĐÀO ANH THÁI	01/08/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	34.10	
26	HÀ QUỲNH TRANG	20/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	32.20	
27	PHAN MINH TRANG	09/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	30.90	
28	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	17/10/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	34.80	
29	NGUYỄN HẢI YẾN	23/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	38.40	

Nam 13
Nữ 16
Tổng 29

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ANH 2 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	CAO THÁI AN	20/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.25	
2	HOÀNG KHÁNH AN	26/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.45	
3	TRẦN THÁI AN	20/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	40.95	
4	ĐỖ MINH BẢO ANH	25/02/2011	Nữ	Hải Phòng	10 ANH 2	38.95	
5	NGUYỄN HOÀNG ANH	21/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.35	
6	TRẦN NGỌC QUỲNH ANH	28/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	40.80	
7	DƯƠNG ĐỨC GIA BẢO	12/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.05	
8	ĐOÀN KHÁNH CHI	18/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.70	
9	CAO NGUYỄN NGỌC DIỆP	22/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.45	
10	LƯƠNG TRẦN ĐỨC	28/04/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.20	
11	LÊ THANH HÀ	04/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.05	
12	QUÁCH NAM HẢI	28/10/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.40	
13	PHẠM GIA HÂN	21/01/2011	Nữ	Phú Thọ	10 ANH 2	40.50	
14	CHU QUANG HIẾU	02/11/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	42.75	
15	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	08/07/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	39.85	
16	VŨ ĐỨC HUY	26/09/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.85	
17	BÙI DUY HÙNG	29/06/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.40	
18	NGUYỄN MINH KHOA	18/01/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	39.80	
19	VŨ GIA LINH	30/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.70	
20	HOÀNG PHÙNG LONG	26/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.15	
21	BÙI TUẤN MINH	29/04/2011	Nam	Hải Phòng	10 ANH 2	39.15	
22	TRẦN ĐỨC MINH	02/11/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.80	
23	NGUYỄN LINH NGÀ	22/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.15	
24	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	15/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.10	
25	BÙI LÊ THẢO NGUYÊN	09/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.30	
26	NGUYỄN NAM PHONG	23/05/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.62	
27	PHẠM HẢI NAM PHONG	28/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	39.00	
28	LÊ HÀ PHƯƠNG	04/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.60	
29	VŨ ĐẶNG ANH THƯ	15/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	41.70	
30	NGUYỄN KHÁNH VY	02/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.90	
31	LƯU HẢI YẾN	04/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.10	

Nam 13
Nữ 18
Tổng 31

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ANH 3 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN KHÁNH AN	10/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.75	
2	NGUYỄN NAM ANH	15/04/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	38.85	
3	NGUYỄN TRẦN TRÂM ANH	14/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.85	
4	PHẠM CHÂU ANH	06/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.55	
5	NGUYỄN GIA BẢO	16/11/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	39.10	
6	TẠ QUANG BẢO	23/08/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	38.95	
7	LÊ DANH SƠN BÁCH	15/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	38.25	
8	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	19/12/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	39.15	
9	HAN ZI BING	22/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.60	
10	DƯƠNG NGỌC MINH CHÂU	11/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	39.45	
11	ĐỖ BẢO CHÂU	16/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.10	
12	ĐOÀN THỊ HƯƠNG CHI	25/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.25	
13	NGUYỄN DIỆP CHI	11/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.00	
14	HOÀNG KHÁNH DƯƠNG	01/11/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	38.35	
15	NGUYỄN LÊ BẢO HÂN	29/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.15	
16	ĐẶNG VŨ HIỆP	14/11/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	38.15	
17	ĐẶNG ĐỨC HUY	08/04/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	38.40	
18	LƯU MINH HUY	18/04/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	39.30	
19	TRẦN KHÁNH HUYỀN	15/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	42.60	
20	NGUYỄN NGỌC KHUÊ	19/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	40.95	
21	ĐINH NGỌC BẢO LÂM	31/01/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	39.70	
22	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	01/01/2011	Nữ	Bình Dương	10 ANH 3	40.40	
23	HOÀNG KHÁNH MAI	23/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	40.55	
24	NGUYỄN TUẤN MINH	29/07/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	39.05	
25	VÕ HOÀNG NGUYỄN	01/07/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	39.85	
26	HÀ MAI PHƯƠNG	26/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	41.05	
27	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	01/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.65	
28	BÙI LÊ ANH TUẤN	21/10/2011	Nam	Hà Nội	10 ANH 3	39.15	
29	NGUYỄN VƯƠNG UYÊN	05/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.10	
30	VŨ LÊ MỸ YÊN	15/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	38.95	
31	ĐỖ THỊ BẢO YẾN	07/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 ANH 3	39.55	

Nam 13
Nữ 18
Tổng 31

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ĐỊA 1 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	CAO KHÁNH AN	26/02/2011	Nữ	Lạng Sơn	10 ĐỊA 1	37.25	
2	LÊ QUỐC AN	09/01/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.25	
3	NGUYỄN ĐỨC ANH	13/05/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.25	
4	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	11/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.75	
5	VŨ DIỆP ANH	11/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.00	
6	VŨ NGỌC ANH	15/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.50	
7	MAI NGỌC DIỆP	21/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.75	
8	NGUYỄN NGỌC DIỆP	15/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.00	
9	QUÁCH TRÍ DOANH	19/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.00	
10	VŨ BÁ MINH DUY	06/11/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.25	
11	NGÔ HẢI DƯƠNG	22/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.50	
12	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	02/12/2011	Nữ	Nước ngoài	10 ĐỊA 1	37.25	
13	ĐINH KHÁNH HÀ	05/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.50	
14	VŨ NGÂN HÀ	05/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.00	
15	ĐỖ KHẮC MINH HUY	16/04/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.00	
16	AN NGỌC HUYỀN	16/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.50	
17	LẠI TUỆ KHANH	18/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.25	
18	NGUYỄN BẢO LÂM	17/10/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.75	
19	NGUYỄN THỰC LÂM	28/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.25	
20	BÙI VŨ TRÚC LINH	04/10/2011	Nữ	Nam Định	10 ĐỊA 1	38.25	
21	TRỊNH GIA LINH	20/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.50	
22	LƯƠNG GIA LY	06/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.25	
23	TRẦN NGỌC MAI	22/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.00	
24	ĐẶNG KHẢ MẶN	16/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	42.00	
25	DƯƠNG NHẬT MINH	09/01/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.50	
26	HOÀNG PHƯƠNG MINH	03/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.50	
27	NGUYỄN THỊ NGUYỆT MINH	31/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.75	
28	TRẦN THANH NGUYỆT	01/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.00	
29	ĐINH VŨ YẾN NHI	01/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	43.25	
30	ĐINH NAM PHONG	26/04/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.00	
31	ĐOÀN CHÍ THÀNH	13/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.75	
32	PHAN MINH THƯ	21/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.75	
33	TRẦN ANH THƯ	22/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.25	
34	LẠI KHÁNH THY	14/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.75	
35	PHẠM PHƯƠNG TRANG	27/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.50	
36	HỒ BẢO TRẦN	14/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.75	
37	NGUYỄN THANH TRÚC	04/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.75	
38	NGUYỄN MỸ VÂN	13/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.50	
39	BÙI HOÀNG THẢO VY	11/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.00	

Nam 9
Nữ 30
Tổng 39

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ĐỊA 2 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	BÙI DIỆP AN	24/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.25	
2	HOÀNG NỮ TÂM AN	13/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.25	
3	LÊ NGUYỄN HOÀI AN	26/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.75	
4	NGUYỄN ĐAN ANH	09/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.75	
5	PHẠM NGỌC BẢO ANH	07/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.50	
6	TRẦN DIỆP ANH	28/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	42.25	
7	VŨ DIỆP ANH	24/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.00	
8	ĐOÀN KHÁNH CHI	14/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.50	
9	LÊ NGUYỄN TÙNG CHI	14/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	42.00	
10	TRẦN HỮU TRÍ DŨNG	12/12/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.25	
11	NGUYỄN HUY NHẬT ĐỨC	06/07/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.25	
12	NGUYỄN HOÀNG HẢI	14/01/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.75	
13	VŨ NGỌC HÂN	28/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.50	
14	TRỊNH GIA HUY	14/07/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.25	
15	HOÀNG PHI HÙNG	23/05/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.00	
16	ĐỖ NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	29/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.50	
17	NGUYỄN LAN HƯƠNG	20/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.25	
18	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	08/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.75	
19	ĐINH HOÀNG KHÔI	18/07/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.25	
20	HOÀNG LÊ MINH KHUÊ	26/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.00	
21	HÀ THẢO LINH	24/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	41.50	
22	HOÀNG PHƯƠNG LINH	12/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.00	
23	NGUYỄN GIA LINH	06/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.75	
24	NGUYỄN MAI THỰC LINH	29/03/2011	Nữ	Bình Dương	10 ĐỊA 2	39.00	
25	TÔ GIA LINH	07/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.25	
26	NGUYỄN DUY MINH	12/03/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.00	
27	TRIỆU LINH NGA	18/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.50	
28	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	08/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.75	
29	NGUYỄN YẾN NGỌC	15/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.50	
30	LÊ DIỆU KHÁNH NHÃ	14/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.25	
31	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	11/12/2011	Nữ	Nam Định	10 ĐỊA 2	40.50	
32	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	04/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.50	
33	VŨ ANH THƯ	13/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.75	
34	NGUYỄN HOÀNG TRANG	12/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.00	
35	NGUYỄN VŨ MINH TRANG	07/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.00	
36	HOÀNG ĐỨC TUẤN	24/05/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.25	
37	LÝ HẠO TƯỜNG	21/07/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.50	
38	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	13/08/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	41.50	
39	BÙI KHÁNH VÂN	15/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.75	
40	NGÔ TUẤN VIỆT	14/02/2011	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.75	

Nam 12
Nữ 28
Tổng 40

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 SINH 1 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ HOÀI AN	24/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	40.75	
2	NGUYỄN ĐỨC THÁI AN	11/07/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	39.00	
3	NGUYỄN THANH AN	30/12/2011	Nữ	Thái Bình	10 SINH 1	39.25	
4	HOÀNG QUỲNH ANH	13/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.75	
5	LÊ BÁ PHAN ANH	05/03/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	37.50	
6	LƯƠNG MỸ ANH	08/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.50	
7	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	03/02/2011	Nữ	Ninh Bình	10 SINH 1	38.75	
8	NGUYỄN TRÂM ANH	10/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.00	
9	PHẠM TRÂM ANH	17/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.75	
10	TRẦN CHÂU ANH	24/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	42.00	
11	VŨ BẢO ANH	30/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	39.00	
12	NGUYỄN ĐỨC ÂN	24/11/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	38.50	
13	NGUYỄN DANH BẢO	30/08/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	39.00	
14	VŨ HUY QUỐC BẢO	10/06/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	37.50	
15	NGUYỄN TIẾN BÌNH	24/09/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	37.25	
16	NGUYỄN LAM MINH CHÂU	08/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.50	
17	VŨ MINH CHÂU	09/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.00	
18	VŨ MINH CHÂU	20/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.00	
19	NGUYỄN THỦY DUNG	29/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	39.75	
20	LÊ HƯƠNG GIANG	18/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.75	
21	NGUYỄN CHÍ HẠO	07/02/2011	Nam	Bắc Ninh	10 SINH 1	38.00	
22	HOÀNG PHẠM GIA HÂN	09/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.50	
23	PHẠM GIA HÂN	14/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.25	
24	PHẠM QUANG HIẾU	04/04/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	40.25	
25	BÙI XUÂN HUY	18/07/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	38.75	
26	TRẦN THỊ ÁNH KHUÊ	17/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.50	
27	HOÀNG THANH LÂM	19/05/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	37.75	
28	ĐOÀN PHƯƠNG LIÊN	18/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.00	
29	ĐỖ NGUYỄN BẢO LINH	21/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.50	
30	NGUYỄN GIA LINH	10/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.50	
31	NGUYỄN NGỌC BẢO LINH	08/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.00	
32	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	02/09/2011	Nữ	Bắc Ninh	10 SINH 1	37.25	
33	NGUYỄN PHÚ MINH	14/11/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	37.00	
34	NGUYỄN VŨ BẢO NAM	01/11/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	38.00	
35	ĐỖ KHÔI NGUYỄN	12/11/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	38.25	
36	ĐÀO YẾN NHI	15/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.75	
37	NGUYỄN CHÂU NHI	19/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.00	
38	NGUYỄN ĐỨC PHONG	18/03/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	38.75	
39	PHẠM LÊ MAI PHƯƠNG	22/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	39.00	
40	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	16/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	40.00	
41	BÙI BẢO QUYÊN	22/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	39.50	
42	TẶNG NGUYỄN BẢO QUYÊN	16/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	42.25	
43	TRẦN UYÊN SA	11/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.25	
44	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	11/05/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	38.25	
45	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	26/09/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	37.50	
46	NGUYỄN LƯƠNG BẢO TUẤN	30/08/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	40.00	
47	ĐỖ PHƯƠNG TÚ	24/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.75	

Nam 17
Nữ 30
Tổng 47

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 SINH 2 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ CHÚC AN	10/05/2011	Nữ	Hải Phòng	10 SINH 2	37.50	
2	HỒ THU AN	24/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.75	
3	NGUYỄN KỶ MINH AN	09/05/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	39.50	
4	NGUYỄN THỊ HÒA AN	05/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.50	
5	DƯƠNG PHẠM MY ANH	11/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.00	
6	ĐẶNG NGỌC HÀ ANH	16/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.75	
7	LƯƠNG THỂ ANH	29/07/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.00	
8	NGUYỄN THÚY ANH	01/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.25	
9	PHAN TRÚC ANH	15/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.75	
10	TRẦN TỬ ANH	06/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	39.00	
11	PHẠM NGUYỄN GIA BẢO	09/07/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	38.00	
12	TỔNG GIA BÁCH	11/06/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.50	
13	ĐẶNG NGỌC MINH CHÂU	25/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	39.00	
14	NGUYỄN LINH CHI	05/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	41.25	
15	CAO MAI THÙY DƯƠNG	09/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	42.00	
16	NGUYỄN HUY DƯƠNG	08/01/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.50	
17	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	11/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	42.25	
18	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	05/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	39.25	
19	NGUYỄN LINH ĐAN	06/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.75	
20	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	05/07/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	39.00	
21	CHU MINH GIANG	21/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.25	
22	LƯƠNG HƯƠNG GIANG	30/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.00	
23	PHÍ TRƯỜNG GIANG	11/01/2011	Nam	Lào Cai	10 SINH 2	38.75	
24	HOÀNG GIA HÂN	27/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.50	
25	ĐẶNG THÁI GIA HUY	10/12/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	40.25	
26	TRẦN ĐỨC HUY	29/05/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	38.50	
27	NGUYỄN NAM KHÁNH	11/02/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	38.75	
28	PHÙNG HOA DIỆU LÂM	07/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	40.00	
29	NGÔ MỸ LINH	11/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	41.50	
30	NGUYỄN KHÁNH LINH	13/06/2010	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	10 SINH 2	41.00	
31	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	26/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	40.50	
32	NGUYỄN THANH MAI	10/08/2011	Nữ	Nghệ An	10 SINH 2	37.00	
33	TRẦN THANH MAI	25/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.75	
34	HÀ ĐÌNH MINH	19/11/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	38.25	
35	NGUYỄN PHƯƠNG MINH	17/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.00	
36	PHAN HÀ MY	27/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	39.00	
37	HOÀNG BẢO NAM	03/03/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	38.00	
38	NGUYỄN TUẤN NGHĨA	08/08/2011	Nam	Hà Nam	10 SINH 2	38.00	
39	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	13/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.50	
40	NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	18/04/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	38.50	
41	VŨ DUY NGUYỄN	29/01/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.00	
42	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	26/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.50	
43	TRẦN TUỆ PHƯƠNG	02/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.25	
44	LÊ MINH QUANG	04/11/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	39.25	
45	ĐẶNG NGUYỄN ANH THƯ	31/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.50	
46	VŨ ĐỨC TRÍ	04/10/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.50	
47	LƯƠNG ĐỨC VINH	15/09/2011	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	40.25	

Nam 18
Nữ 29
Tổng 47

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 SỬ 1 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	TRƯƠNG THUY AN	18/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.00	
2	ĐẶNG VŨ BẢO ANH	13/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	38.25	
3	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	27/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	41.25	
4	NGUYỄN THUY ANH	15/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	38.75	
5	NGUYỄN TRẦN LAM ANH	12/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	43.75	
6	PHẠM VŨ MINH ANH	06/01/2012	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.50	
7	TRẦN ĐỨC ANH	12/12/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	44.25	
8	TRẦN PHƯƠNG ANH	05/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	37.75	
9	VŨ THỰC ANH	07/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.00	
10	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	24/12/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	42.50	
11	NGUYỄN HUY BÌNH	30/11/2011	Nam	Nam Định	10 SỬ 1	37.50	
12	NGUYỄN MINH CHÂU	21/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.75	
13	PHẠM NGỌC CHÂU	24/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	42.00	
14	PHẠM QUỲNH CHI	25/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	40.75	
15	LÊ NGỌC DIỆP	29/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	37.50	
16	LÊ ÁNH DƯƠNG	02/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	38.75	
17	PHAN THUY DƯƠNG	03/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.25	
18	NGUYỄN THANH HÀ	01/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	38.00	
19	NGUYỄN DƯƠNG GIA HÂN	16/12/2011	Nữ	Nghệ An	10 SỬ 1	40.00	
20	NGUYỄN GIA HƯNG	29/03/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	40.00	
21	HOÀNG THẢO HƯƠNG	06/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	40.50	
22	ĐẶNG BẢO KHA	15/05/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	38.00	
23	NGUYỄN NHƯ KHANG	19/12/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	41.25	
24	PHẠM NAM KHÁNH	02/12/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	39.00	
25	CHU HÀ LINH	17/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	41.50	
26	NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG LINH	29/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.00	
27	PHẠM HẢI LINH	18/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	38.50	
28	NGUYỄN PHÚC BẢO LONG	21/08/2011	Nam	Nước ngoài	10 SỬ 1	37.75	
29	NGUYỄN THU MINH	18/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	40.50	
30	NGUYỄN NGỌC BẢO NGÂN	13/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	41.25	
31	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG NGHI	26/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	38.25	
32	TRẦN NGUYỄN BẢO NGỌC	02/07/2011	Nữ	Ninh Bình	10 SỬ 1	40.50	
33	PHẠM BẢO PHƯƠNG	27/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	37.50	
34	PHẠM SĨ QUANG	23/05/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	39.25	
35	DƯƠNG GIÁC THÀNH	16/08/2011	Nam	Hải Dương	10 SỬ 1	38.25	
36	HOÀNG ANH THÁI	18/02/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	43.25	
37	TRẦN HUY VĂN	24/10/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	42.25	

Nam 12
Nữ 25
Tổng 37

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 SỬ 2 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN HẢI AN	29/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	40.25	
2	NGUYỄN TÂM AN	26/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	42.25	
3	NGUYỄN MINH ÁNH	04/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	40.75	
4	TRẦN QUỐC BẢO	25/02/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	39.00	
5	HÀ QUỲNH CHI	13/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	38.00	
6	ĐINH NGỌC DIỆP	21/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	43.00	
7	VŨ NGỌC DIỆP	13/09/2011	Nữ	Hưng Yên	10 SỬ 2	41.50	
8	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	09/08/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	40.00	
9	ÂU DƯƠNG DANH ĐẠT	17/10/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	38.75	
10	PHẠM NGỌC HƯƠNG GIANG	15/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	42.25	
11	HOÀNG MINH HÀ	12/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.50	
12	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HÀ	30/08/2011	Nữ	Nghệ An	10 SỬ 2	39.25	
13	ĐẶNG QUANG HUY	05/06/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	38.00	
14	NGUYỄN MAI HƯƠNG	13/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.50	
15	NGUYỄN TUẤN KIẾT	14/04/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	37.50	
16	VŨ ĐÌNH VÂN KHÁNH	05/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.00	
17	NGUYỄN XUÂN LAN	30/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.50	
18	LÊ PHƯƠNG LINH	12/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	40.50	
19	NGÔ DIỆP LINH	14/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	38.75	
20	NGÔ NGUYỄN BẢO LINH	15/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.00	
21	LẠI QUỲNH MAI	31/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	41.75	
22	TRẦN NGUYỄN NHẬT MAI	13/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.25	
23	HÀ VĂN BẢO NAM	12/07/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	38.25	
24	NGÔ THÀNH NAM	26/05/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	42.75	
25	PHÙNG KHÁNH NAM	06/02/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	41.25	
26	TRẦN BẢO NGỌC	25/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.00	
27	NGUYỄN BÁ KHÔI NGUYỄN	20/05/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	42.00	
28	NGUYỄN LÊ ĐÔNG NHI	26/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	41.25	
29	NGUYỄN NGỌC GIA NHI	11/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	40.00	
30	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	11/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	38.00	
31	NGUYỄN MINH QUÂN	25/08/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	40.00	
32	ĐỒNG BẢO SƠN	05/10/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	39.50	
33	NGHIÊM PHƯƠNG THANH	14/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.75	
34	BÙI BẢO TRANG	22/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.75	
35	NGUYỄN VÕ THỰC TRÂM	30/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	38.25	
36	PHAN VŨ XUÂN VINH	03/08/2011	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	40.50	
37	ĐINH NGUYỄN KHÁNH VY	13/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.50	
38	NGUYỄN CẨM VY	26/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	43.50	

Nam 12
Nữ 26
Tổng 38

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 VĂN 1 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	LÊ QUỲNH ANH	07/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.75	
2	NGUYỄN HÀ VI ANH	05/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.50	
3	NGUYỄN MINH ANH	13/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.75	
4	NGUYỄN PHÚC TÂM ANH	03/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	41.00	
5	NGUYỄN VÕ THÙY ANH	06/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.00	
6	PHÙNG KIỀU ANH	21/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.50	
7	ĐẶNG THANH BÌNH	09/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.50	
8	LÊ NGỌC MINH CHÂU	25/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.50	
9	NGUYỄN THỊ HÀ CHÂU	19/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.25	
10	ĐỖ NGỌC QUỲNH CHI	10/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.50	
11	NGÔ KHÁNH CHI	16/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.00	
12	NGUYỄN LINH CHI	21/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.50	
13	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	22/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.50	
14	PHÍ HOÀNG LINH CHI	24/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.75	
15	DƯƠNG NGUYỆT HÀ	27/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.50	
16	PHẠM MINH HẰNG	26/03/2011	Nữ	Nam Định	10 Văn 1	40.25	
17	PHÙNG DIỆP KHÁNH	11/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.25	
18	TRẦN NGỌC KHÁNH	01/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.75	
19	CHU NHẬT LAN	07/05/2011	Nữ	Son La	10 Văn 1	38.75	
20	NGUYỄN THÙY LÂM	25/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.25	
21	LÊ HOÀNG KHÁNH LINH	03/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	42.00	
22	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG LINH	16/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.00	
23	NGUYỄN THẢO LINH	12/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.75	
24	VŨ NGUYỄN HÀ LINH	14/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.25	
25	TRẦN ĐẶNG HƯƠNG LY	13/05/2011	Nữ	Điện Biên	10 Văn 1	38.50	
26	HÀ XUÂN MAI	16/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.00	
27	ĐẶNG HÀ MY	01/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.50	
28	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	18/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.50	
29	ĐẶNG KHÁNH NGỌC	11/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.75	
30	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	10/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.50	
31	NGUYỄN MINH TÂM	09/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.00	
32	NGUYỄN THỊ MINH THẢO	14/02/2011	Nữ	Bắc Ninh	10 Văn 1	38.50	
33	TRẦN VŨ PHƯƠNG THẢO	12/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.25	
34	ĐẶNG SONG THU	03/02/2011	Nữ	Hồ Chí Minh	10 Văn 1	39.25	
35	NGUYỄN QUỲNH TRANG	17/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.75	
36	NGUYỄN QUỐC TUẤN	10/06/2011	Nam	Hà Nội	10 Văn 1	39.50	
37	ĐỖ THỊ PHƯƠNG UYÊN	27/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	39.50	
38	LÊ ĐỖ PHƯƠNG UYÊN	24/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	38.75	
39	NGUYỄN THU UYÊN	04/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 1	40.00	

Nam 1
Nữ 38
Tổng 39

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 VĂN 2 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN TUỆ AN	02/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.50	
2	NGUYỄN VŨ CHÂU ANH	06/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.25	
3	PHẠM BẢO ANH	10/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.50	
4	PHẠM MINH CHÂU	21/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	41.00	
5	ĐỖ BẢO QUẾ CHI	14/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	42.25	
6	ĐỖ HÀ CHI	21/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.50	
7	NGUYỄN LẠI THUY DƯƠNG	23/09/2011	Nữ	Hung Yên	10 Văn 2	38.50	
8	NGUYỄN THUY DƯƠNG	10/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	40.00	
9	ĐỖ LINH ĐAN	31/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.75	
10	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	01/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	40.50	
11	LÊ THU HIỀN	19/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.50	
12	VŨ HỒNG KHANH	20/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.75	
13	HOÀNG HIỆU KHÁNH	20/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	40.00	
14	NGUYỄN PHẠM VĂN KHÁNH	11/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.00	
15	HOÀNG ĐĂNG KHÔI	18/08/2011	Nam	Hà Nội	10 Văn 2	38.75	
16	PHAN MINH KHUÊ	27/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	40.25	
17	PHẠM DIỆU KHUÊ	14/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	40.75	
18	TRẦN HÀ TUỆ LÂM	04/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	40.25	
19	CHU HÀ LINH	23/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.25	
20	NGUYỄN NGỌC BẢO LINH	11/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.75	
21	NGUYỄN THỊ ĐAN LINH	21/02/2011	Nữ	Hải Phòng	10 Văn 2	38.75	
22	TRƯƠNG TÚ LINH	05/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.50	
23	VŨ PHẠM BẢO LINH	24/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.25	
24	PHẠM CHI MAI	06/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	40.25	
25	ĐỖ TRẢ MY	30/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.25	
26	HOÀNG HÀ MY	05/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	43.50	
27	NGUYỄN THÚY NGÀ	19/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.50	
28	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	07/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.50	
29	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	20/12/2011	Nữ	Nam Định	10 Văn 2	38.75	
30	ĐẶNG HOÀNG YẾN NHI	03/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.50	
31	PHẠM NHÃ PHƯƠNG	30/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.50	
32	VŨ THU HÀ PHƯƠNG	03/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.00	
33	TRẦN PHƯƠNG THẢO	03/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.75	
34	NGUYỄN HOÀNG ANH THU	16/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.00	
35	PHÙNG ANH THU	06/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.75	
36	HY KHÁNH TRANG	27/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.00	
37	DƯƠNG BẢO TRÚC	26/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	39.50	
38	NGUYỄN THANH TRÚC	05/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	38.75	
39	HOÀNG TÚ UYÊN	15/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 Văn 2	40.50	

Nam 1
Nữ 38
Tổng 39

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 PHÁP 1 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN PHÚC AN	27/06/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	38.35	
2	NGUYỄN XUÂN ANH	09/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.80	
3	TẠ TRÍ ANH	04/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	41.20	
4	TRẦN NGỌC ANH	04/05/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.60	
5	TRƯƠNG ĐÀO GIA BẢO	08/06/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.95	
6	CÔNG MINH CHÂU	11/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	38.10	
7	TRẦN MINH BẢO CHÂU	02/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.60	
8	LÊ DIỆP CHI	12/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.35	
9	NGUYỄN NGỌC KIM CHI	12/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	38.60	
10	LÊ VŨ CHÍNH	15/04/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.10	
11	ĐỖ CẢNH DU	16/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	37.35	
12	PHẠM ANH DŨNG	01/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.00	
13	ĐÀO CÔNG DUY	28/10/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.10	
14	NGUYỄN KHÁNH DUY	21/03/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	43.60	
15	PHẠM KHÁNH DUY	14/04/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	40.00	
16	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	08/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.65	
17	ĐẶNG KHANG ĐỨC	16/02/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	32.90	
18	BÙI HƯƠNG GIANG	18/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.70	
19	NHŨ TRƯỜNG GIANG	10/12/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.90	
20	NGUYỄN QUÝ HẢI	12/05/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	37.45	
21	NGUYỄN ĐỖ BẢO HÂN	30/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.00	
22	HOA MINH HIẾU	26/12/2011	Nam	Hải Phòng	10 PHÁP 1	38.30	
23	NGUYỄN NINH HOA	13/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	46.00	
24	ĐỖ MINH HOÀNG	15/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.50	
25	NGÔ HOÀNG HUY	19/07/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.30	
26	NGUYỄN HÀ GIA HUY	28/12/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.55	
27	PHẠM ĐỨC HUY	29/07/2011	Nam	Nước ngoài	10 PHÁP 1	33.00	
28	TẠ ĐỨC HUY	07/02/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.90	
29	ĐÀM KHÁNH	01/12/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.70	
30	HÀ GIA KHÁNH	09/11/2011	Nam	Hồ Chí Minh	10 PHÁP 1	35.60	
31	LÊ QUANG DUY KHÁNH	04/05/2011	Nam	Pháp	10 PHÁP 1	32.95	
32	NGUYỄN GIA KHÁNH	30/01/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.50	
33	CAO HỒNG KỶ	10/03/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.75	
34	NGUYỄN ĐÀO HẠ LAM	23/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	37.75	
35	ĐOÀN QUỲNH LÂM	23/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.85	
36	NGUYỄN PHÚC BẢO LÂM	25/01/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.35	
37	LÊ TUẤN MINH	07/07/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.00	
38	TRẦN THỊ DIỆU MINH	26/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	43.75	
39	ĐẶNG MINH NGUYỄN	11/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.35	
40	LÊ TRƯỜNG PHÚ	03/06/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	37.75	
41	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	16/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.10	
42	TRẦN MINH QUYỀN	07/05/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.55	
43	TRỊNH TRÍ THÀNH	10/07/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.25	
44	ĐINH MINH ĐỨC TOÀN	19/01/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.25	
45	HOÀNG ĐỨC TRÍ	24/05/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	41.70	
46	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT TÙNG	28/10/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.65	
47	TRẦN MINH VŨ	20/10/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.05	

Nam 36
Nữ 11
Tổng 47

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 PHÁP 2 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	ĐỖ NGÂN AN	29/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	34.95	
2	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	14/09/2011	Nữ	Nam Định	10 PHÁP 2	39.95	
3	LƯU PHƯƠNG ANH	17/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	37.90	
4	NGUYỄN NGỌC ÁNH	22/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.30	
5	NGUYỄN THỦY BÌNH	22/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	33.35	
6	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	25/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	43.75	
7	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	19/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	38.45	
8	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	29/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.30	
9	LƯU NGỌC HÂN	19/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	39.55	
10	ĐINH LÊ THU HIỀN	30/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	33.00	
11	ĐOÀN QUỐC HÙNG	30/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	37.70	
12	LƯƠNG GIA HUY	27/08/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	33.25	
13	NGUYỄN LÊ HUY	28/06/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	32.85	
14	ĐỖ VIỆT HÙNG	14/11/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	34.80	
15	TẠ THỊ MINH HƯỜNG	12/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	37.65	
16	NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH LAM	26/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.90	
17	PHẠM HOÀNG LÂN	28/07/2011	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.80	
18	ĐỖ GIA LINH	24/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.70	
19	PHẠM GIA LINH	01/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	38.75	
20	PHẠM LÊ BẢO LINH	25/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	37.95	
21	HÀ KHÁNH NGÂN	11/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	38.05	
22	PHÙNG KIM NGÂN	15/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.80	
23	QUÁCH HÀ NGÂN	03/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	34.80	
24	LÊ MINH NGUYỆT	23/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	37.15	
25	ĐỖ NGUYỄN BẢO PHƯƠNG	04/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	43.80	
26	NGUYỄN KIỀU NHI THỦY	20/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.50	
27	ĐẶNG BẢO TRÂN	16/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	36.55	

Nam 5
Nữ 22
Tổng 27

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 HÀ NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	KHÚC THIÊN AN	15/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	40.25	
2	PHẠM MINH AN	20/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	38.25	
3	TRẦN NGỌC TRÂM ANH	06/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	37.80	
4	LÊ THỊ NGUYỆT ÁNH	26/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	39.00	
5	MAI GIA BẢO	26/08/2011	Nam	Hà Nội	10 HÀN	39.15	
6	NGUYỄN HẢI CHÂU	09/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	40.35	
7	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	15/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	41.50	
8	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	04/07/2011	Nữ	Hải Phòng	10 HÀN	40.82	
9	NGUYỄN QUỲNH DIỆP	06/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	41.70	
10	ĐẶNG HƯỚNG DƯƠNG	08/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	41.65	
11	TRẦN MINH HẰNG	12/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	41.45	
12	NGUYỄN HÀ AN KHANH	15/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	39.10	
13	HOÀNG NGÂN KHÁNH	17/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	38.30	
14	PHẠM DƯƠNG NAM KHÁNH	02/09/2011	Nam	Hà Nội	10 HÀN	43.10	
15	TRỊNH NHẢ KHÁNH	06/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	38.50	
16	NGUYỄN HOÀNG LAN	21/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	38.85	
17	ĐÀO NGUYỄN HÀ LINH	22/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	39.00	
18	HOÀNG HÀ LINH	04/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	42.70	
19	NGUYỄN TRANG LINH	06/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	38.10	
20	TRẦN NGỌC LINH	16/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	39.80	
21	TRẦN HƯƠNG LY	31/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	38.50	
22	NGUYỄN HIỀN NHI	18/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	39.15	
23	NGUYỄN KHÁNH TÂM NHƯ	10/09/2011	Nữ	Hải Dương	10 HÀN	41.45	
24	NGUYỄN MINH NHƯ	28/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	42.90	
25	LƯƠNG THẢO PHƯƠNG	01/07/2011	Nữ	Quảng Ninh	10 HÀN	41.00	
26	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	06/09/2011	Nữ	Hưng Yên	10 HÀN	39.95	
27	NGUYỄN TRÚC ĐÔNG TRÀ	22/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	38.75	
28	ĐỖ CẨM TÚ	19/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 HÀN	40.50	

Nam 2
Nữ 26
Tổng 28

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NHẬT NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	HÀ NGÂN AN	29/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	41.25	
2	NGUYỄN HỒNG BẢO AN	09/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	41.25	
3	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	24/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.25	
4	NGUYỄN DIỆP ANH	04/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	43.85	
5	NGUYỄN TRUNG ANH	06/03/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	40.35	
6	TẠ NGUYỄN TÂM ANH	25/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	43.35	
7	THÀNH MINH ANH	02/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.55	
8	NGUYỄN HÀ LAN CHI	15/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	40.95	
9	NGUYỄN KHÁNH CHI	21/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	43.85	
10	NGUYỄN LINH CHI	09/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	45.10	
11	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	17/09/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	43.40	
12	NGUYỄN TRÍ DŨNG	20/10/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	41.05	
13	NGUYỄN ĐỨC DUY	27/10/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	41.05	
14	VŨ BẠCH DƯƠNG	02/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.20	
15	VŨ THUỶ GIANG	07/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	44.60	
16	LẠI THỊ KHÁNH HÀ	17/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	44.15	
17	NGUYỄN BẢO HÀ	17/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	44.20	
18	NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH	21/01/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	42.85	
19	NGUYỄN MINH KHOA	28/12/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	41.55	
20	PHẠM THIÊN KHÔI	03/10/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	41.35	
21	ĐỖ TRẦN THỰC LINH	22/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.95	
22	LÊ PHÚC LINH	25/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.30	
23	TRẦN HÀ LINH	01/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	44.58	
24	TRẦN HUYỀN LINH	01/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	43.70	
25	HÀ BẢO MINH	20/08/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	42.80	
26	HOÀNG GIA MINH	04/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	41.60	
27	TRẦN NHẬT MINH	19/07/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	40.35	
28	BÙI TRẢ MY	10/08/2011	Nữ	Nước ngoài	10 NHẬT	42.65	
29	PHẠM HOÀNG THẢO MY	14/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	41.80	
30	NGUYỄN LINH NGÀ	24/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.25	
31	VŨ HOÀNG NGÂN	23/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	41.55	
32	TRẦN THU NHÀN	06/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	43.70	
33	NGUYỄN ĐĂNG PHÚ	26/10/2011	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	42.55	
34	NGÔ NGỌC DIỆP PHƯƠNG	31/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	41.15	
35	TRẦN BẢO PHƯƠNG	12/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.65	
36	ỨNG THANH TRÀ	19/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.95	
37	PHẠM VŨ QUỲNH TRANG	01/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.85	
38	ĐÀO ANH TUẤN	23/07/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬT	43.25	
39	LÊ PHƯƠNG VY	25/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 NHẬT	42.55	

Nam 11
Nữ 28
Tổng 39

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 TIN NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH AN	04/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 TIN	37.50	
2	BÙI TUẤN ANH	12/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.50	
3	LÊ MINH ANH	23/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 TIN	36.50	
4	NGUYỄN HỒNG ANH	01/05/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	39.50	
5	ĐOÀN VIỆT BẠCH	16/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	39.25	
6	TRẦN GIA BẠCH	03/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.00	
7	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	28/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.00	
8	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	13/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	
9	PHẠM TRUNG CƯỜNG	16/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.75	
10	ĐỖ ĐỨC DUY	06/08/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	39.75	
11	PHẠM TÙNG DƯƠNG	12/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.50	
12	NGÔ BÁ ĐẠT	05/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	39.00	
13	NGUYỄN DUY ĐẠT	10/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	
14	LÊ MINH ĐĂNG	15/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.75	
15	NGUYỄN ĐỨC HẢI	13/05/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	41.50	
16	ĐINH MINH HIẾN	02/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	38.25	
17	NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	09/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 TIN	36.25	
18	TRẦN DUY HOÀNG	03/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.50	
19	BÙI AN HUY	06/02/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.50	
20	NGUYỄN QUỐC HUY	21/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.00	
21	NGUYỄN VŨ GIA HƯNG	26/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.00	
22	PHAN GIA HƯNG	10/08/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.75	
23	VŨ PHÚC HÙNG	14/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	38.25	
24	ĐỖ TRUNG KIÊN	17/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.50	
25	LÊ ĐỖ TÙNG LÂM	12/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.00	
26	NGÔ TỰ LÂN	15/02/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.25	
27	HÀ GIA LINH	28/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 TIN	38.75	
28	ĐẶNG HOÀNG MINH	29/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.00	
29	HOÀNG TRƯỜNG MINH	13/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	38.25	
30	LÊ HOÀNG NHẬT MINH	24/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.50	
31	LUYỆN QUANG MINH	23/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.75	
32	NGUYỄN HÀ MY	02/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 TIN	36.75	
33	NGUYỄN HOÀNG HẢI NAM	21/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.25	
34	NGUYỄN GIA PHÁT	12/05/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	38.25	
35	ĐOÀN QUANG PHONG	10/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.00	
36	LÊ HỒNG PHONG	26/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.25	
37	NGUYỄN QUANG HẢI PHONG	22/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.58	
38	PHẠM HỒNG PHÚC	19/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.50	
39	NGUYỄN TÙNG QUÂN	20/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.00	
40	ĐÀM THỰC QUYỀN	14/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 TIN	36.75	
41	ĐẶNG MINH SƠN	22/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.75	
42	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	28/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	
43	PHAN ANH TUẤN	26/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.25	
44	ĐÀO BÁ TÙNG	15/07/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	
45	ĐUỖNG SƠN TÙNG	09/07/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	
46	TRẦN MẠNH TÙNG	11/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.50	
47	NGUYỄN TRƯỜNG VÂN	28/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.75	
48	PHẠM ĐỨC VINH	12/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.00	
49	TRỊNH QUANG VINH	25/09/2011	Nam	Nghệ An	10 TIN	39.50	
50	TRẦN MINH VŨ	09/07/2011	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	

Nam 44
Nữ 6
Tổng 50

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 TOÁN NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	11/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
2	HOÀNG MINH ANH	02/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	35.50	
3	PHẠM TÙNG ANH	05/05/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	35.75	
4	TRẦN VIỆT ANH	19/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.50	
5	TRỊNH THIÊN ÂN	09/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
6	NGUYỄN VŨ XUÂN BÁCH	14/02/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	35.50	
7	LÊ VŨ THIÊN BÌNH	05/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
8	NGÔ GIA BÌNH	24/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
9	CHỦ MINH CHÍNH	21/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
10	NGUYỄN THẾ CÔNG	16/08/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	35.25	
11	BÙI ĐÌNH DŨNG	13/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.25	
12	VŨ TRÍ DŨNG	28/12/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.25	
13	KIỀU VŨ HẢI ĐĂNG	01/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.00	
14	NGUYỄN TRẦN MINH HẢI	26/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
15	NGUYỄN CHÍ HÀO	22/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
16	VŨ QUÝ HIỀN	26/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
17	ĐỖ KIM HOA	04/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	35.25	
18	PHẠM GIA HÙNG	17/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
19	PHƯƠNG BẢO HÙNG	17/05/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	35.50	
20	VŨ GIA KHẢI	07/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.00	
21	TRƯƠNG PHÚ KHANG	24/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	42.50	
22	CAO GIA KHANH	26/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
23	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	20/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	39.00	
24	PHẠM ANH KHOA	04/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
25	TRIỆU PHƯƠNG LINH	28/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	37.75	
26	VŨ KHÁNH LINH	04/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
27	HOÀNG TIẾN MINH	19/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.50	
28	NGUYỄN TUẤN MINH	13/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	39.50	
29	TRẦN NGUYỄN HẢI MINH	25/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	35.50	
30	ĐỖ KHOA NAM	15/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	38.00	
31	NGUYỄN HOÀNG NAM	06/02/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
32	HÀ TRẦN THU NGÂN	19/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
33	NGUYỄN XUÂN KHÁNH NGUYỄN	26/02/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
34	ĐOÀN GIA PHÚC	25/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
35	LÊ HOÀNG PHÚC	01/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	35.75	
36	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	07/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
37	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	07/02/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	35.50	
38	TRƯƠNG MINH PHÚC	19/09/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
39	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	20/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
40	ÂU MINH QUANG	29/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	38.25	
41	ĐỖ VIỆT QUANG	11/08/2011	Nam	Nam Định	10 TOÁN	35.50	
42	NGUYỄN LÊ QUANG	22/04/2011	Nam	Nghệ An	10 TOÁN	37.00	
43	NGUYỄN NHẬT QUANG	14/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	38.50	
44	PHẠM GIA QUANG	12/03/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
45	LƯƠNG MINH QUÂN	04/02/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
46	TRƯƠNG NGỌC MAI SƯƠNG	16/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	38.75	
47	NGUYỄN ĐỨC TÀI	29/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
48	PHAN NGUYỄN THỦY TIÊN	04/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	41.00	
49	LÊ MINH TRIẾT	06/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	40.00	
50	NGUYỄN MINH TUẤN	19/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
51	NGUYỄN KHÁNH TÙNG	24/04/2011	Nam	Hà Nam	10 TOÁN	37.50	
52	TRẦN HỮU TÙNG	14/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	35.75	
53	VŨ ĐỨC MINH TÙNG	26/07/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.50	
54	BÙI MẠNH TƯỜNG	23/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	43.25	

Nam 45
Nữ 9
Tổng 54

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 TRUNG NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	ĐỖ LÊ BẢO AN	03/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.35	
2	TRẦN TÂM AN	21/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	39.00	
3	MAI PHẠM HẢI ANH	18/05/2011	Nữ	Nam Định	10 TRUNG	37.00	
4	NGÔ PHƯƠNG ANH	08/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.35	
5	NGUYỄN ĐIỀU ANH	25/08/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	40.20	
6	NGUYỄN HÀ ANH	27/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	39.80	
7	NGUYỄN MỸ ANH	30/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.40	
8	NGUYỄN TRUNG THỂ ANH	13/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.65	
9	NGUYỄN VŨ LÂM ANH	02/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.25	
10	TRẦN QUỲNH ANH	04/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.45	
11	VŨ GIA BÁCH	18/08/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.30	
12	LÊ HÀ CHÂU	06/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	38.05	
13	LÊ NGUYỄN THUY CHI	09/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	40.05	
14	NGÔ TIẾN DŨNG	29/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.05	
15	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	14/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.60	
16	NGUYỄN VŨ TUỆ DƯƠNG	08/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.05	
17	BÙI KHÁNH GIANG	21/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	38.10	
18	NGUYỄN VƯƠNG NHẬT HÀ	16/12/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.10	
19	TÔ THANH HẢI	21/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	38.40	
20	VĂN THANH HẰNG	30/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.25	
21	ĐẶNG THÁI NGỌC HÂN	17/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	39.05	
22	LÊ QUANG HUY	09/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.75	
23	NGUYỄN TRẦN AN HUY	11/07/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.35	
24	ĐẶNG NGUYỄN MINH HUYỀN	14/09/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	39.00	
25	NGUYỄN CẨM HUYỀN	08/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.30	
26	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	28/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.80	
27	HOÀNG GIA KHÁNH	10/07/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	42.95	
28	DƯƠNG TRÍ KHÔI	27/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	38.95	
29	LÊ ĐỨC LÂM	12/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	38.70	
30	LÊ PHÚC KHÁNH LÂM	12/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.25	
31	DƯƠNG UYÊN LINH	29/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	40.05	
32	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	25/11/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.85	
33	PHẠM TRẦN NGỌC LINH	05/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.25	
34	NGUYỄN HOÀNG GIA MINH	15/04/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	41.55	
35	NGUYỄN QUANG MINH	01/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.00	
36	NGUYỄN VŨ BÌNH MINH	13/06/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.15	
37	PHAN NGUYỄN NGỌC MINH	15/02/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.05	
38	TRẦN HIỆU MINH	11/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	40.70	
39	HÀ TÀI NHẬT NAM	03/10/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.75	
40	LƯƠNG BẢO NAM	15/05/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.00	
41	PHÙNG BẢO NAM	22/11/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.35	
42	TRẦN KHOA NGUYỄN	27/12/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.95	
43	NGÔ TÂM NHI	10/07/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	39.40	
44	NGUYỄN HUY PHÚC	31/01/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	38.65	
45	ĐỖ NGỌC BẢO QUYÊN	16/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.20	
46	CHU NGỌC ĐIỂM QUỲNH	13/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	39.90	
47	LÊ ĐAN THANH	30/10/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.00	
48	NGUYỄN HUYỀN THƯ	05/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	38.25	
49	NGUYỄN LÊ KHÁNH THY	03/05/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	38.55	
50	LÊ NGỌC BẢO TRÂM	21/06/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	39.50	
51	TRẦN QUỲNH TRÂM	28/01/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.60	
52	NGUYỄN NGỌC MINH TRÍ	06/04/2011	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.35	
53	TRẦN NGÂN TRÚC	26/10/2011	Nữ	Nam Định	10 TRUNG	37.25	
54	PHẠM HUYỀN PHƯƠNG VY	06/03/2011	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.60	

Nam 21
Nữ 33
Tổng 54